

THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHÒ BIẾN
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

TÓM TẮT

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Số: 20

Ngày 27/5/2019

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN MỚI

- Quy định về quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử.*
- Phạt 1 tỷ đồng đối với các hành vi khai thác thủy sản trái phép bằng tàu dài trên 24m.*
- Thanh tra Ngân hàng Nhà nước là đơn vị tương đương Chi cục.*
- Từ 01/7/2019, lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội tăng 7.19%.*
- Ứng xử không văn minh, khách du lịch bị phạt đến 3 triệu đồng.*
- Đề án vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em các xã đặc biệt khó khăn.*
- Nhân viên phun, xăm của cơ sở thẩm mỹ phải có chứng chỉ.*
- Thủ đô đẩy mạnh tuyên truyền xây dựng nếp sống văn hóa, trật tự, kỷ cương, văn minh đô thị.*

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

- Nhiệm vụ và quyền hạn của báo chí tại Việt Nam là gì?*
- Những cơ quan nhà nước nào quản lý về báo chí?*
- Quyền tự do báo chí của công dân là gì?*
- Quyền tự do ngôn luận trên báo chí của công dân là gì?*

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. QUY ĐỊNH VỀ QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN, ỨNG DỤNG NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ

Ngày 15/5/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 41/2019/NĐ-CP quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch bao gồm các nội dung chủ yếu sau: hoàn thiện hệ thống tổ chức, quản lý; xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế, chính sách; phát triển nguồn nhân lực; xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; bảo đảm an toàn, an ninh; nâng cao nhận thức và sự ủng hộ của cộng đồng; đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế; đầu tư, tài chính và huy động vốn; tổ chức thực hiện quy hoạch. Hợp phần quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử (sau đây gọi tắt là hợp phần quy hoạch) là một nội dung của quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử được lập để thực hiện việc tích hợp quy hoạch. Các hợp phần quy hoạch bao gồm các hợp phần quy hoạch phát triển, ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ trong ngành y tế; ngành tài nguyên và môi trường; ngành nông nghiệp; ngành công nghiệp và các hợp phần quy hoạch khác được xác

định trong giai đoạn lập nhiệm vụ quy hoạch.

Theo Nghị định, thời kỳ quy hoạch làm 10 năm, tầm nhìn của quy hoạch là từ 30 đến 50 năm. Thời hạn lập hợp phần quy hoạch không quá 18 tháng, thời hạn lập quy hoạch không quá 30 tháng kể từ ngày nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

Hoạt động quy hoạch gồm: Lập quy hoạch; thẩm định quy hoạch; phê duyệt quy hoạch; công bố quy hoạch; thực hiện quy hoạch; đánh giá quy hoạch; điều chỉnh quy hoạch. Việc lập quy hoạch phải lấy ý kiến của Hội đồng phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử quốc gia, các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cộng đồng dân cư, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tới quy hoạch. Chậm nhất là 15 ngày khi quy hoạch được phê duyệt, nội dung của quy hoạch phải được công bố công khai theo quy định của pháp luật.

Ngoài quy định về việc công bố, Nghị định còn quy định cụ thể điều kiện tổ chức lập quy hoạch như phải có chuyên gia tư vấn trình độ đại học, có 10 năm kinh nghiệm, đã lập ít nhất 01 quy hoạch trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử được phê duyệt. Đối với chuyên gia tư vấn người nước ngoài do cơ quan lập quy hoạch, cơ quan lập hợp phần quy hoạch lựa chọn và báo cáo Thủ

trường cơ quan tổ chức lập quy hoạch, cơ quan tổ chức lập hợp phần quy hoạch quyết định.

Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan tổ chức lập quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử; cơ quan lập hợp phần quy hoạch do cơ quan tổ chức lập hợp phần quy hoạch quyết định. Bộ Y tế tổ chức lập hợp phần quy hoạch trong ngành y tế; Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức lập hợp phần quy hoạch trong ngành tài nguyên và môi trường; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức lập hợp phần quy hoạch trong ngành nông nghiệp; Bộ Công Thương tổ chức lập hợp phần quy hoạch trong ngành công nghiệp. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tổ chức có liên quan tổ chức lập hợp phần quy hoạch khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. PHẠT 1 TỶ ĐỒNG ĐỐI VỚI CÁC HÀNH VI KHAI THÁC THỦY SẢN TRÁI PHÉP BẰNG TÀU DÀI TRÊN 24M

Ngày 16/5/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 42/2019/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 05/7/2019 này quy định rõ mức phạt đối với vi phạm nghiêm trọng trong khai thác thủy sản. Cụ thể, phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với chủ

tàu cá có một trong các hành vi vi phạm sau: sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m đến dưới 24m không có giấy phép khai thác thủy sản hoặc giấy phép khai thác thủy sản đã hết hạn khai thác thủy sản trong vùng biển Việt Nam; không trang bị thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m đến dưới 24m theo quy định.

Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 700.000.000 đồng đối với chủ tàu cá có một trong các hành vi vi phạm sau: sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m đến dưới 24m khai thác thủy sản trong vùng biển Việt Nam không có giấy phép khai thác thủy sản hoặc giấy phép khai thác thủy sản đã hết hạn trong trường hợp tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần; không ghi nhật ký khai thác thủy sản, nhật ký thu mua chuyển tải thủy sản đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 24m trở lên trong trường hợp tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần; che giấu, giả mạo hoặc hủy chứng cứ vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản; khai thác thủy sản quá hạn mức do tổ chức nghề cá khu vực cấp phép.

Đặc biệt, phạt tiền từ 800.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với chủ tàu cá có một trong các hành vi vi phạm sau: sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24m trở lên không có giấy phép khai

thác thủy sản hoặc giấy phép khai thác thủy sản đã hết hạn khai thác thủy sản trong vùng biển Việt Nam; khai thác thủy sản tại vùng biển của quốc gia, vùng lãnh thổ khác hoặc vùng biển thuộc quyền quản lý của tổ chức nghề cá khu vực mà không có giấy phép hoặc giấy phép hết hạn hoặc không có giấy chấp thuận hoặc giấy chấp thuận hết hạn; tàu cá nước ngoài hoạt động trong vùng biển Việt Nam không có giấy phép hoặc giấy phép hết hạn.

Bên cạnh đó, còn áp dụng hình thức xử phạt bổ sung gồm: tịch thu thủy sản khai thác, chuyển tải trái phép đối với hành vi vi phạm quy định; tịch thu tàu cá đối với hành vi vi phạm; tước quyền sử dụng giấy phép khai thác thủy sản từ 6 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định...Biện pháp khắc phục hậu quả là buộc chủ tàu cá phải chi trả toàn bộ kinh phí đưa ngư dân bị cơ quan có thẩm quyền nước ngoài bắt giữ về nước và các chi phí liên quan khác đối với hành vi vi phạm quy định.

3. THANH TRA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC LÀ ĐƠN VỊ TƯƠNG ĐƯƠNG CHI CỤC

Ngày 17/5/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 43/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07/4/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra, giám sát ngành ngân hàng.

Nghị định có hiệu lực từ ngày ký ban hành, theo đó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ngoài quyền quy định trình tự, thủ tục thanh tra ngân hàng, giám sát ngân hàng còn được phân cấp thẩm quyền trong thực hiện hoạt động giám sát ngân hàng.

Nghị định này bổ sung quy định mới vào khoản 1 Điều 9 Nghị định 26/2014/NĐ-CP về thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo đó: riêng thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hà Nội, thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị tương đương Chi cục thuộc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hà Nội, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh.

Bên cạnh đó, Nghị định còn quy định rõ hơn về Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng là đơn vị tương đương Tổng cục, trực thuộc Ngân hàng Nhà nước, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quản lý nhà nước đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giám sát ngân hàng, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, phòng, chống rửa tiền, bảo hiểm tiền gửi; tiến hành thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành và giám sát ngân hàng trong các lĩnh vực thuộc phạm vi

quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước; thực hiện phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố theo quy định của pháp luật và phân công của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Cơ cấu tổ chức của Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng gồm các Vụ, Cục, Văn phòng. Cục trưởng Cục thanh tra, giám sát ngân hàng được ra quyết định thanh tra, thành lập đoàn thanh tra đối với các đối tượng thanh tra ngân hàng được giao (trừ các cuộc thanh tra do Chánh thanh tra, giám sát ngân hàng ra quyết định thanh tra, thành lập đoàn thanh tra, giám sát ngân hàng ra quyết định thanh tra, thành lập đoàn thanh tra theo quy định); thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của người ra quyết định thanh tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

4. TỪ 01/7/2019, LƯƠNG HƯU VÀ TRỢ CẤP BẢO HIỂM XÃ HỘI TĂNG 7.19%

Ngày 20/5/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 44/2019/NĐ-CP điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng.

Theo Nghị định, kể từ ngày 01/7/2019, điều chỉnh tăng thêm 7.19% trên mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng của tháng 6/2019 đối với các đối tượng hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng

tháng trước ngày 01/7/2019, bao gồm: cán bộ, công chức, công nhân, viên chức và người lao động (kể cả người có thời gian tham gia BHXH tự nguyện, người nghỉ hưu từ quỹ BHXH nông dân Nghệ An chuyển sang theo Quyết định 41/2009/QĐ-TTg); quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu đang hưởng lương hưu hàng tháng; cán bộ xã, phường, thị trấn quy định tại Nghị định 92/2009/NĐ-CP, Nghị định 121/2003/NĐ-CP và Nghị định 09/1998/NĐ-CP của Chính phủ đang hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng; quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định 62/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; người đang hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng theo quy định của pháp luật; người đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định 91/2000/QĐ-TTg, Quyết định 613/QĐ-TTg; công nhân cao su đang hưởng trợ cấp hàng tháng...

5. ỨNG XỬ KHÔNG VĂN MINH, KHÁCH DU LỊCH BỊ PHẠT ĐẾN 3 TRIỆU ĐỒNG

Khách du lịch ứng xử không văn minh bị phạt tiền đến 3 triệu đồng là một trong những quy định được nêu tại Nghị định số 45/2019/NĐ-CP ngày 21/5/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính

trong lĩnh vực du lịch, có hiệu lực kể từ ngày 01/8/2019.

Nghị định nêu rõ cảnh cáo đối với hành vi không thực hiện đúng thông báo nộp tiền phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác của cơ quan có thẩm quyền. Đối với hành vi trốn nộp phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác sẽ phạt từ 1 đến 3 lần số tiền phải nộp theo quy định tới tối đa 50 triệu đồng. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1 triệu đồng đối với hành vi không thực hiện nội quy, quy định của khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch. Với những hành vi ứng xử không văn minh hoặc không tôn trọng phong tục, tập quán, bản sắc văn hóa địa phương nơi đến du lịch có mức phạt từ 01 - 03 triệu đồng. Đặc biệt, khách du lịch sẽ bị phạt từ 03 - 05 triệu đồng đối với hành vi gây phương hại đến hình ảnh quốc gia, truyền thống văn hóa dân tộc của Việt Nam.

Ngoài ra, Nghị định còn quy định mức phạt tiền tối đa với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch đối với cá nhân là 50 triệu đồng, đối với tổ chức là 100 triệu đồng. Với cơ sở lưu trú du lịch không niêm yết công khai giá hàng hóa bị phạt tiền đến 5 triệu đồng. Nếu có hành vi bán hàng hóa không đúng giá niêm yết bị phạt tiền từ 05 - 10 triệu đồng. Bên cạnh việc phạt tiền, cơ sở lưu trú du lịch vi phạm bị đình chỉ hoạt động từ 01 đến 03

tháng và buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp. Với hành vi tranh giành khách du lịch hoặc nài ép khách du lịch mua hàng hóa dịch vụ bị phạt tiền đến 3 triệu đồng. Hành vi vi phạm hành chính về cơ sở vật chất, dịch vụ lưu trú du lịch không đảm bảo vệ sinh như: không có khăn mặt, khăn tắm, không thay khăn, thay bọc đệm hoặc chần gối khi có khách mới cũng bị phạt tối đa đến 3 triệu đồng. Đối với hướng dẫn viên du lịch không sử dụng thẻ hướng dẫn viên khi hành nghề hoặc sử dụng thẻ hướng dẫn viên du lịch giả, mức phạt tiền từ 15 - 20 triệu đồng.

6. ĐỀ ÁN VẬN ĐỘNG NGUỒN LỰC XÃ HỘI HỖ TRỢ TRẺ EM CÁC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN

Với mục tiêu vận động các nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi nhằm cải thiện tình trạng sức khỏe, dinh dưỡng; hỗ trợ trẻ em được tham gia hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí; hỗ trợ đồ ấm. Ngày 17/5/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 588/QĐ-TTg phê duyệt Đề án vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2019-2025 (sau đây gọi tắt là Đề án). Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Đề án trên chủ yếu gồm các hoạt động: tăng cường công tác tuyên truyền đóng góp nguồn lực

cho việc thực hiện Đề án; vận động, hình thành mạng lưới các nhà tài trợ, các tổ chức trong nước và quốc tế hỗ trợ thực hiện Đề án; điều phối việc hỗ trợ cho trẻ em các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi về khám chữa bệnh, dinh dưỡng, đồ ấm cho trẻ em phù hợp theo độ tuổi; tăng cường công tác quản lý nhà nước trong việc vận động nguồn lực hỗ trợ trẻ em các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi; kịp thời động viên, biểu dương, khen thưởng các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia đóng góp, vận động nguồn lực thực hiện Đề án.

Ngân sách thực hiện Đề án được vận động từ các cơ quan, tổ chức, các doanh nghiệp, các quỹ từ thiện, quỹ xã hội, các cá nhân trong và ngoài nước, các nguồn kinh phí

hợp pháp khác để triển khai các hoạt động của Đề án; và nguồn ngân sách nhà nước hàng năm của các bộ, ngành, địa phương theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước phục vụ chi cho công tác quản lý, điều phối thực hiện Đề án.

Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội là cơ quan chủ trì triển khai vận động các nguồn lực để thực hiện Đề án có trách nhiệm phối hợp với các bộ, ngành liên quan triển khai thực hiện; triển khai các hoạt động truyền thông, xây dựng mạng lưới các nhà tài trợ; xây dựng kế hoạch vận động nguồn lực và điều phối việc hỗ trợ trẻ em; chỉ đạo Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam; tổng hợp các nguồn lực và số trẻ em được hỗ trợ từ Đề án; theo dõi, giám sát, kiểm tra việc thực hiện triển khai Đề án.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

7. NHÂN VIÊN PHUN, XĂM CỦA CƠ SỞ THẨM MỸ PHẢI CÓ CHỨNG CHỈ

Ngày 20/5/2019, Bộ Y tế ban hành Quyết định số 1899/QĐ-BYT về việc công bố Danh mục điều kiện đầu tư kinh doanh và danh mục sản phẩm, hàng hóa kiểm tra chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế; có hiệu lực từ ngày 20/5/2019.

Theo đó, để được cấp giấy phép hoạt động kinh doanh, cơ sở thẩm mỹ phải đáp ứng đủ các điều kiện về

nhân lực, cơ sở vật chất và trang thiết bị y tế. Cụ thể, về nhân lực, phải có 01 người chịu trách nhiệm về chuyên môn kỹ thuật là bác sỹ có chứng chỉ hành nghề phù hợp; là người hành nghề cơ hữu tại cơ sở; có thời gian hành nghề ít nhất là 36 tháng sau khi được cấp chứng chỉ hành nghề hoặc có thời gian trực tiếp tham gia thực hiện ít nhất 54 tháng; nếu là phòng khám chuyên khoa thẩm mỹ thì phải là bác sỹ chuyên khoa phẫu thuật tạo hình, tạo hình

thẩm mỹ hoặc phẫu thuật thẩm mỹ. Đối với những người hành nghề cơ hữu tại cơ sở là các nhân viên thực hiện xăm, phun, thêu trên da không sử dụng thuốc gây tê dạng tiêm phải có giấy chứng nhận hoặc chứng chỉ đào tạo, dạy nghề về phun, xăm, thêu trên da do cơ sở đào tạo hoặc dạy nghề hợp pháp cấp; các đối tượng khác tham gia vào quá trình thực hiện thẩm mỹ nhưng không cần chứng chỉ hành nghề thì được thực hiện các hoạt động theo phân công của người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật và công việc phải phù hợp với văn bằng chuyên môn của người đó. Cơ sở thẩm mỹ phải có địa điểm cụ thể và có trang thiết bị phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn.

Ngoài ra, tại Quyết định, Bộ Y tế đã cắt giảm 1.376 điều kiện đầu tư kinh doanh (trước cắt giảm là 1.996 điều kiện; sau cắt giảm còn 620 điều kiện) của các lĩnh vực trong phạm vi quản lý. Bên cạnh việc quy định chi tiết các điều kiện này, Bộ còn nêu rõ 05 nhóm mặt hàng do Bộ quản lý, cụ thể: nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, thực phẩm chức năng, phụ gia thực phẩm/chất hỗ trợ chế biến và dụng cụ vật liệu bao gói chứa đựng thực phẩm.

8. THỦ ĐỘ ĐẨY MẠNH TUYÊN TRUYỀN XÂY DỰNG NẾP SỐNG VĂN HÓA, TRẬT TỰ, KỶ CƯƠNG, VĂN MINH ĐÔ THỊ

Việc xây dựng văn hóa Thủ đô xứng tầm với truyền thống ngàn năm văn hiến; tạo bước chuyển biến mới trong xây dựng văn hóa người Hà Nội thanh lịch văn minh là mục tiêu xuyên suốt được thành phố đặc biệt quan tâm và chỉ đạo triển khai thực hiện. Nhằm tạo sự chuyển biến rõ rệt, ngày 16/5/2019, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Chỉ thị số 08/CT-UBND về việc đẩy mạnh tuyên truyền xây dựng nếp sống văn hóa, trật tự, kỷ cương, văn minh đô thị gắn với việc thực hiện Quy tắc ứng xử nơi công cộng trên địa bàn thành phố và Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan thuộc Thành phố.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các Sở, Ban, ngành, mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội từ thành phố đến cơ sở tập trung tuyên truyền thực hiện: xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh trong hệ thống chính trị, cơ quan, tổ dân phố, mỗi gia đình... tiếp tục thực hiện tốt 2 quy tắc ứng xử nhằm tạo sự chuyển biến thực sự trong văn hóa giao thông, văn hóa công sở, văn hóa thương mại và ứng xử nơi công cộng; mở rộng giao lưu hợp tác với các tỉnh, thành phố và các nước; tăng cường công tác quản lý nhà nước về văn hóa; kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân thực hiện tốt nếp sống văn minh đô thị và

2 quy tắc ứng xử; thực hiện tốt 2 quy tắc ứng xử gắn với Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, phong trào “Người tốt – Việc tốt” và phong trào của các cơ quan, đơn vị, địa phương... Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, triển khai thực hiện Chỉ thị số 08-CT/TU ngày 26/5/2016 của thành ủy Hà Nội về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác đảm bảo trật tự và văn minh đô thị trên địa bàn thủ đô; Chỉ thị số 03/CT-UBND

ngày 25/2/2019, Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 02/01/2014, Chỉ thị số 04/2003/CT-UBND ngày 17/01/2003 của UBND thành phố Hà Nội và các văn bản chỉ đạo khác của thành phố về công tác xây dựng nếp sống văn minh đô thị, xác định đây là nhiệm vụ thường xuyên và lâu dài, là trách nhiệm của mỗi người, mỗi cấp, mỗi cơ quan, đơn vị để thủ đô ngày càng văn minh, hiện đại, “Sáng - xanh - sạch - đẹp”. Để thực hiện tốt đòi hỏi phải có sự đoàn kết đồng thuận và sự vào cuộc quyết liệt của các cấp, các ngành, các tổ chức, đoàn thể, các cơ quan thông tấn, báo chí và các tầng lớp nhân dân.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Bộ Tư pháp đang tổ chức lấy ý kiến góp ý Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp.

Giám định tư pháp là nhiệm vụ quan trọng trong tố tụng, kết luận giám định chính xác, khách quan và kịp thời góp phần giải quyết nhanh chóng, đúng pháp luật các vụ án, đặc biệt là trong tình hình đấu tranh phòng chống tham nhũng hiện nay. Tuy nhiên, trước yêu cầu cấp bách của công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng trong tình hình mới thì công tác giám định tư pháp

đã bộc lộ một số bất cập. Vì vậy, việc sửa đổi, bổ sung Luật giám định tư pháp năm 2012 là yêu cầu cấp thiết khách quan, nhằm khắc phục những hạn chế hiện nay.

Dự thảo Luật này đã sửa đổi 03 điều luật (Điều 26a về thời hạn giám định; Điều 33a về đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp; Điều 41 về xử lý vụ phạm trong hoạt động giám định tư pháp) và sửa đổi, bổ sung 05 điều luật (Điều 25 về trưng cầu, tiếp nhận giám định; Điều 36 về chi phí giám định tư pháp; Điều 41 về nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ, cơ quan chuyên môn ở cấp trung ương quản lý chuyên môn về giám định tư pháp; Điều 43 về nhiệm vụ, quyền

hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Điều 46 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành); sửa đổi, bổ sung 7 khoản và 13 điểm.

Theo đó, để khắc phục tình trạng lạm dụng giám định tư pháp để gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố và xét xử khi kết quả điều tra, chứng cứ đã rõ ràng, Ban dự thảo đã bổ sung một số quy định về căn cứ, cách thức trưng cầu giám định sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 25 như sau: ngoài trường hợp bắt buộc trưng cầu giám định theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự, khi cần có đánh giá, kết luận của tổ chức, người giám định tư pháp về chuyên môn đối với nội dung, vấn đề có liên quan trong vụ phạm tội thì cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng có thẩm quyền ra quyết định trưng cầu giám định; trong trường hợp đã có chứng cứ, tài liệu xác định được nội dung, vấn đề cần chứng minh theo quy định của pháp luật tố tụng thì không tiến hành trưng cầu giám định tư pháp. Căn cứ vào yêu cầu thực tiễn của hoạt động tố tụng hình sự, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn cụ thể về trường hợp cần

thiết trưng cầu giám định của một số loại án theo quy định.

Về cách thức trưng cầu giám định, dự thảo bổ sung thêm quy định đối với trường hợp vụ việc, vụ án có nhiều nội dung phức tạp, người trưng cầu giám định có thể tách thành nhiều nội dung trưng cầu giám định khác nhau, ra nhiều lần quyết định trưng cầu giám định để bảo đảm đáp ứng yêu cầu về tiến độ giải quyết vụ việc, vụ án. Đối với trường hợp nội dung trưng cầu giám định liên quan đến nhiều lĩnh vực, thuộc trách nhiệm của nhiều cơ quan, tổ chức thì người trưng cầu giám định phải xác định nội dung, lĩnh vực chính cần giám định và ghi rõ cơ quan, tổ chức chủ trì và cơ quan, tổ chức phối hợp tiếp nhận trưng cầu, thực hiện giám định trong Quyết định trưng cầu giám định.

Đến nay, Bộ Tư pháp đã hoàn thành bản dự thảo dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp đăng tải trên website lấy ý kiến nhân dân, đồng thời gửi bản điện tử tới các Bộ, ngành có liên quan lấy ý kiến đóng góp chỉnh lý, hoàn thiện dự án Luật để trình Chính phủ vào cuối tháng 6/2019.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Nhiệm vụ và quyền hạn của báo chí tại Việt Nam là gì?

Trả lời: Theo Điều 4, Luật số 103/2016/QH13 Luật Báo chí được

Quốc hội ban hành có hiệu lực từ ngày 01/01/2017 quy định quyền hạn và nhiệm vụ của báo chí như sau: thông tin trung thực về tình hình đất nước và thế giới phù hợp với lợi ích của đất nước và của Nhân dân; tuyên truyền, phổ biến, góp phần xây dựng và bảo vệ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thành tựu của đất nước và thế giới theo tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo chí; góp phần ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao dân trí, đáp ứng nhu cầu văn hóa lành mạnh của Nhân dân, bảo vệ và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, xây dựng và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; phản ánh và hướng dẫn dư luận xã hội; làm diễn đàn thực hiện quyền tự do ngôn luận của Nhân dân; phát hiện, nêu gương người tốt, việc tốt, nhân tố mới, điển hình tiên tiến; đấu tranh phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật và các hiện tượng tiêu cực trong xã hội; góp phần giữ gìn sự trong sáng và phát triển tiếng Việt, tiếng của các dân tộc thiểu số Việt Nam; mở rộng sự hiểu biết lẫn nhau giữa các nước và các dân tộc, tham gia vào sự nghiệp của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, hữu nghị, hợp tác, phát triển bền vững.

2. Hỏi: *Những cơ quan nhà nước nào quản lý về báo chí?*

Trả lời: Theo Điều 7, Luật số 103/2016/QH13 Luật Báo chí được Quốc hội ban hành có hiệu lực từ ngày 01/01/2017 quy định Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về báo chí. Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về báo chí. Các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện quản lý nhà nước về báo chí. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm quản lý nhà nước về báo chí tại địa phương.

3. Hỏi: *Quyền tự do báo chí của công dân là gì?*

Trả lời: Theo Điều 10, Luật số 103/2016/QH13 Luật Báo chí được Quốc hội ban hành có hiệu lực từ ngày 01/01/2017 quy định quyền tự do báo chí của công dân bao gồm: sáng tạo tác phẩm báo chí; cung cấp thông tin cho báo chí; phản hồi thông tin trên báo chí; tiếp cận thông tin báo chí; liên kết với cơ quan báo chí thực hiện sản phẩm báo chí; in, phát hành báo in.

4. Hỏi: *Quyền tự do ngôn luận trên báo chí của công dân là gì?*

Trả lời: Theo Điều 11, Luật số 103/2016/QH13 Luật Báo chí được

Quốc hội ban hành có hiệu lực từ ngày 01/01/2017 quy định quyền tự do ngôn luận trên báo chí của công dân là phát biểu ý kiến về tình hình đất nước và thế giới; tham gia ý kiến xây dựng và thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; góp ý kiến, phê bình, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trên báo chí đối với các tổ chức của Đảng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức, cá nhân khác./.